

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

Đức Phổ, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 10/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ;

Căn cứ Công văn số 6151/UBND-KTN ngày 04/12/2023 và Công văn số 4673/UBND-KTN ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện theo Quy hoạch tỉnh;

Trên cơ sở ý kiến của Ban Thường vụ Thị ủy tại Hội nghị ngày 20/11/2024 về việc cho ý kiến đối với nội dung Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ;

UBND thị xã kính trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, có ý kiến đối với nội dung Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ, nội dung cụ thể như sau:

1. Hồ sơ trình thông qua

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ;

- Hệ thống biểu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ;

- Hệ thống Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ.

2. Nội dung phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ

2.1. Sự cấp thiết phải điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ

- Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

2.2. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Đức Phổ

2.2.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ (ha)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)='(5)+'(6)	(8)
1	Đất nông nghiệp	30.514,64	81,80	26.397,42		26.397,42	70,76
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	6.022,89	16,14	4.950,33		4.950,33	13,27
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>5.875,22</i>	<i>15,75</i>	<i>4.814,69</i>		<i>4.814,69</i>	<i>12,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	6.021,44	16,14		4.453,68	4.453,68	11,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2.998,18	8,04	2.325,15		2.325,15	6,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	3.876,84	10,39	3.812,80		3.812,80	10,22
1.5	Đất rừng đặc dụng						
1.6	Đất rừng sản xuất	11.257,74	30,18	10.106,11		10.106,11	27,09
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>977,22</i>	<i>2,62</i>	<i>977,22</i>		<i>977,22</i>	<i>2,62</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	166,15	0,45		187,61	187,61	0,50
1.8	Đất làm muối	115,75	0,31		99,10	99,10	0,27
1.9	Đất nông nghiệp khác	55,65	0,15		462,63	462,63	1,24
2	Đất phi nông nghiệp	6.283,15	16,84	10.790,31		10.790,31	28,92
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	119,24	0,32	595,72		595,72	1,60
2.2	Đất an ninh	5,40	0,01	24,94		24,94	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp			47,22		47,22	0,13
2.4	Đất cụm công nghiệp	14,09	0,04	278,79		278,79	0,75
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	23,83	0,06	519,83	0,00	519,83	1,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	30,62	0,08	56,44		56,44	0,15
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	66,76	0,18		581,48	581,48	1,56
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.839,72	10,29	5.097,50	0,00	5.097,50	13,66
	<i>Trong đó:</i>						

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030			
-	Đất giao thông	1.349,09	3,62	2.066,33		2.066,33	5,54
-	Đất thủy lợi	1.541,37	4,13	1.435,98	0,00	1.435,98	3,85
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	10,30	0,03	36,30		36,30	0,10
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	5,14	0,01	16,21		16,21	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	62,00	0,17	102,14		102,14	0,27
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	22,04	0,06	47,88		47,88	0,13
-	Đất công trình năng lượng	4,48	0,01	396,14		396,14	1,06
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,45	0,00	2,45		2,45	0,01
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia						
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	10,57	0,03	48,93		48,93	0,13
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	6,84	0,02	27,62		27,62	0,07
-	Đất cơ sở tôn giáo	8,58	0,02	20,88	0,00	20,88	0,06
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	812,34	2,18	860,25		860,25	2,31
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ						
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội				4,04	4,04	0,01
-	Đất chợ	6,01	0,02		17,37	17,37	0,05
2.10	Đất danh lam thắng cảnh						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	11,37	0,03		21,63	21,63	0,06
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	5,92	0,02		505,41	505,41	1,35
2.13	Đất ở tại nông thôn	666,28	1,79	377,76		377,76	1,01
2.14	Đất ở tại đô thị	560,30	1,50	1.784,37	0,00	1.784,37	4,78
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13,74	0,04	34,54		34,54	0,09
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,60	0,02	15,32		15,32	0,04
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao						
2.18	Đất tín ngưỡng	10,24	0,03		10,18	10,18	0,03
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	668,81	1,79		666,26	666,26	1,79
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	239,22	0,64		172,90	172,90	0,46
2.21	Đất phi nông nghiệp khác						
3	Đất chưa sử dụng	507,47	1,36	117,53		117,53	0,32
II	Khu chức năng						
1	Đất khu công nghệ cao						

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2023		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030			
2	<i>Đất khu kinh tế</i>						
3	<i>Đất đô thị</i>			20.202,79		20.202,79	54,16
4	<i>Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)</i>			7.139,84		7.139,84	19,21
5	<i>Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)</i>			13.918,91		13.918,91	37,31
6	<i>Khu du lịch</i>			610,19		610,19	1,64
7	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>						
8	<i>Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</i>			326,01		326,01	0,87
9	<i>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</i>			230,41		230,41	0,62
10	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>			301,94		301,94	0,81
11	<i>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</i>				408,43	408,43	1,09
12	<i>Khu dân cư nông thôn</i>			2.568,66		2.568,66	6,89
13	<i>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</i>						

2.2.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: Cụ thể theo Biểu 02 đính kèm.

2.2.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: Cụ thể theo Biểu 03 đính kèm.

3. Các giải pháp tổ chức thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất

3.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

3.1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất:

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu. Tái tạo lớp phủ thực vật bằng cây rừng hoặc tổ hợp cây nông - lâm kết hợp để bảo vệ độ phì nhiêu của đất và sử dụng bền vững đất dốc; thực hiện tuần hoàn hữu cơ trong đất. Trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế cao kết hợp quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Khuyến khích, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất; bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái

hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại của mưa và dòng chảy do mưa tạo ra.

- Tiếp tục thực hiện việc khoanh nuôi, trồng mới rừng, nâng cao hệ số che phủ; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các đô thị và khu dân cư, trong các khu công nghiệp và vành đai cây xanh cách ly các khu công nghiệp, khu xử lý chất thải tập trung.

- Xác định ranh giới, tổ chức cắm mốc và công khai diện tích đất rừng phòng hộ cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Thực hiện tốt việc khoanh nuôi rừng phòng hộ, phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức quản lý rừng.

3.1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Xây dựng và thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của thị xã, trong đó thực hiện các mục tiêu giảm cường độ xả thải, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch; khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên, thảm xanh hiện hữu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất; quan trắc môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị. Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý các tài nguyên, khoáng sản, thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường, như: khai thác khoáng sản tùy tiện, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp về nguồn lực

- Rà soát, bổ sung chính sách thu hút đầu tư; tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức.

- Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng Nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- Cải thiện môi trường đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích triển khai các dự án công nghiệp công nghệ cao, du lịch, xây dựng đô thị; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao,...

- Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch, đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

3.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện: Trên cơ sở phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ sau:

- Tiến hành công bố rộng rãi phương án sử dụng đất được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai.

- Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cho các xã, phường để các địa phương thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của địa phương mình; Nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất của thị xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai, nhất là quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Các giải pháp khác

4.1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, cần bảo vệ nghiêm ngặt; tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp,...;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã và cán bộ địa chính xã, phường có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất và cung cấp thông tin có liên quan cho chủ sử dụng đất để thực hiện;

- Xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai và các văn bản dưới luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Cần có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Thu hút người có tài và lao động có trình độ kỹ thuật từ các vùng khác đến công tác và làm việc lâu dài trên địa bàn thị xã; đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đào tạo tại chỗ, gửi đi

đào tạo, liên kết đào tạo;

- Tăng cường đầu tư, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai;

- Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng quy định của Luật Đất đai;

- Đẩy nhanh tốc độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cập nhật liên tục biến động sử dụng đất do chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thị xã theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học trong và ngoài ngành nhằm nâng cao tính khả thi của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch sử dụng đất.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

UBND thị xã kính trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị ủy (báo cáo);
- TT HĐND (báo cáo);
- CT, PCT UBND thị xã;
- Phòng TN và MT thị xã;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Lý